

Bản án số: 197/2024/HNGĐ-ST

Ngày 25 - 7- 2024

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM ĐƠI, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Ngọc Yến

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thái Hoàng Bo

Ông Hồ Thanh Phong

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Cẩm Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ D, tỉnh Cà Mau.

Ngày 25 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ D, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 306/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2024, về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 221/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Trương Ngọc L, sinh năm 1986; Địa chỉ cư trú: Ấp T P, xã T T, huyện Đ D, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Trung T, sinh năm 1987; Địa chỉ cư trú: Ấp T P, xã T T, huyện Đ D, tỉnh Cà Mau (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện nguyên đơn cũng như trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trương Ngọc L trình bày:

Về hôn nhân: Chị L và anh T chung sống với nhau vào năm 2007 nhưng không đăng ký kết hôn, hôn nhân tự nguyện. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên chị Lợi yêu cầu xin ly hôn với anh Thành.

Về con chung: Trong quá trình chung sống anh, chị có 02 người con chung tên Nguyễn Ngọc V, sinh năm 2008 và Nguyễn Trung T, sinh năm 2014. Khi ly hôn chị L yêu cầu nguyên vọng con ở với ai thì người đó nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng không đặt ra.

Về tài sản chung và nợ: Chị L xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Trung T trình bày: Về hôn nhân đồng ý ly hôn với chị L. Về con chung, tài sản chung và nợ thống nhất lời trình bày của chị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Xét yêu cầu xin ly hôn của chị L thấy rằng, hôn nhân của chị L và anh T trên cơ sở tự nguyện, nhưng do anh, chị không có đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét việc cho anh, chị ly hôn mà tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] Về con chung: Đối với Ngọc V, tại đơn ghi nguyện vọng của cháu thể hiện là được sống với chị L. Do đó, cần giao cháu Ngọc V cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Đối với cháu Trung T, tại ý kiến ghi nguyện vọng của cháu là được sống với anh T. Do đó, cần giao cháu Trung T cho anh T tục nuôi dưỡng là phù hợp. Việc cấp dưỡng nuôi con chị L và anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

[3] Về tài sản chung và nợ: Chị L và anh T xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị L phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28; Điều 35 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Trương Ngọc L và anh Nguyễn Trung T là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc V, sinh năm 2008 cho chị Trương Ngọc L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Nguyễn Trung T, sinh năm 2014 cho anh Nguyễn Trung T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra.

Chị Trương Ngọc L và anh Nguyễn Trung T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trương Ngọc L phải chịu 300.000 đồng. Ngày 25 tháng 6 năm 2024, chị L đã dự nộp 300.000 đồng tại biên lai số 0001461 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ D, được chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Trương Ngọc L và anh Nguyễn Trung T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ D;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ Di;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hồ Ngọc Yến